CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH[1]
Về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017;

Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Thực hiện Công văn số 257/UBTVQH13-TCNS ngày 27 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Nghị định kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 Nghị định sau:

- Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2013;

- Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017;

- Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Nghị định nêu trên.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.[2]

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

---

[2] Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài".

Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính."

Nghị định này quy định về việc kinh doanh, quản lý hoạt động kinh doanh và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

b) Các đối tượng được phép chơi và các đối tượng được phép ra, vào các Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng liên quan đến việc cấp phép, quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. "Trò chơi điện tử có thưởng" là các trò chơi may rủi được tổ chức trên máy trò chơi điện tử có thưởng mà người chơi bỏ tiền để tham gia và có thể trúng thưởng bằng tiền.

2. "Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài" là hoạt động kinh doanh có điều kiện được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh các trò chơi có thưởng trên máy trò chơi điện tử có thưởng.

3. "Máy trò chơi điện tử có thưởng" là thiết bị điện tử chuyên dụng được phép kinh doanh theo quy định tại Nghị định này để thực hiện các trò chơi có thưởng được cài đặt sẵn trong máy. Quá trình chơi diễn ra hoàn toàn tự động giữa người chơi với máy.

4. "Máy giật xèng" là máy trò chơi điện tử có thưởng có từ 03 cuộn hình ảnh trở lên trên màn hình để xác định kết quả thắng cược hoặc trúng thưởng ngẫu nhiên dừng lại sau mỗi lần quay với tỷ lệ trả thưởng cố định được cài đặt sẵn trong máy.

5. "Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng" (sau đây gọi tắt là Điểm kinh doanh) là một căn phòng hoặc một số căn phòng thuộc địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh các trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này.

6. "Người chơi" là các cá nhân thuộc đối tượng được phép chơi các loại hình trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

7. "Tỷ lệ trả thưởng" là tỷ lệ phần trăm trả thưởng bình quân cho người chơi của máy giật xèng trong một khoảng thời gian hoặc trên số vòng quay nhất định được nhà sản xuất thiết kế và cài đặt cố định trong máy giật xèng hoặc tỷ lệ trúng thưởng trên giá trị cá cược của người chơi đối với các trò chơi điện tử có thưởng khác được quy định tại Thể lệ trò chơi.

8. "Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh" là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng do Bộ Tài chính cấp cho các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này.

9. "Đồng tiền quy ước" là đồng xèng, thẻ được sử dụng thay thế tiền để phục vụ cho việc tổ chức loại hình trò chơi điện tử có thưởng và chỉ có giá trị sử dụng trong Điểm kinh doanh.

Điều 3. Nguyên tắc kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là hoạt động kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo hoạt động tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng phải gắn với hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển về du lịch và phải đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

3. Việc tổ chức, tham gia các trò chơi điện tử có thưởng phải đảm bảo minh bạch, khách quan, trung thực, bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, tham gia các trò chơi điện tử có thưởng phải tuân thủ đầy đủ quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1.[3] Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, trừ các doanh nghiệp quy định tại Điều 51 Nghị định này.

2.[4] Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng không đúng với nội dung được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây viết tắt là Nghị định số 175/2016/NĐ-CP), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

3. Sửa chữa, tẩy xóa, cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

4. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc bị tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Để các cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại Điều 11 của Nghị định này vào Điểm kinh doanh với bất kỳ hình thức, lý do nào.

6. Cho phép, tổ chức cá cược trực tiếp giữa người chơi với người chơi dựa trên kết quả của các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh.

7. Gian lận trong quá trình tổ chức, tham gia các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh.

8. Có các hành vi làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại Điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

9. Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn trái phép địa điểm để tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

10. Tổ chức, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng trái phép qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet.

11. Lợi dụng hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng để buôn lậu, vận chuyển ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim loại quý và thực hiện các hình thức rửa tiền.

12. Xác nhận số tiền trúng thưởng khống, xác nhận không đúng sự thật hoặc không đúng thẩm quyền hoặc gây khó khăn cho người chơi khi xác nhận mà không có lý do chính đáng.

13. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG

Điều 5. Điểm kinh doanh

1.[5] Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) chỉ được phép tổ chức các trò chơi điện tử có thưởng tại một Điểm kinh doanh duy nhất được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

---

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

2. Điểm kinh doanh phải được bố trí cách ly ra khỏi các khu vực tổ chức hoạt động kinh doanh khác của doanh nghiệp và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có cửa ra, vào riêng;

b)[6] *Có các thiết bị điện tử và hệ thống camera để theo dõi, giám sát thường xuyên toàn bộ hoạt động trong Điểm kinh doanh (24/24h). Các hình ảnh phải được lưu trữ đầy đủ trong thời hạn tối thiểu 15 ngày kể từ ngày ghi hình. Riêng khu vực cửa ra, vào Điểm kinh doanh; khu vực bố trí các máy trò chơi điện tử có thưởng; khu vực thu ngân, kho quỹ kiểm đếm tiền mặt, đồng tiền quy ước và lưu giữ thiết bị đựng tiền mặt, đồng tiền quy ước, thời hạn lưu trữ tối thiểu là 30 ngày kể từ ngày ghi hình;*

c)[7] *Tuân thủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;*

d) Có niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng nước ngoài khác (nếu có) ở vị trí dễ nhận biết tại cửa ra, vào Điểm kinh doanh.

Điều 6. Thời gian hoạt động

1. Thời gian doanh nghiệp được phép tổ chức hoạt động kinh doanh là tất cả các ngày trong năm, trừ các ngày không được hoạt động theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Doanh nghiệp được quyền tự tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo nhu cầu quản lý. Trước thời điểm tạm ngừng kinh doanh tối thiểu mười lăm (15) ngày làm việc, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản với cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Cục Thuế địa phương. Nội dung thông báo phải nêu rõ thời điểm tạm ngừng kinh doanh, lý do tạm ngừng kinh doanh, thời gian dự kiến tiếp tục kinh doanh trở lại. Trong trường hợp có thay đổi về thời điểm tiếp tục kinh doanh trở lại, doanh nghiệp phải thông báo lại cho các cơ quan này bằng văn bản. Doanh nghiệp có trách nhiệm niêm yết tại Điểm kinh doanh tối thiểu 24 giờ trước thời điểm tạm ngừng kinh doanh.

3. Trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu tạm ngừng hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho người chơi biết về thời điểm ngừng kinh doanh, ngay sau khi cơ quan quản lý nhà nước công bố quyết định yêu cầu tạm ngừng hoạt động kinh doanh.

---

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 151/2018/NĐ-CP), có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

Điều 7. Số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi điện tử có thưởng

1. Số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng được quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh căn cứ vào tổng số buồng lưu trú tại cơ sở lưu trú với tỷ lệ 05 buồng lưu trú thì doanh nghiệp được phép kinh doanh tối đa không quá 01 máy trò chơi điện tử có thưởng.

2. Các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng được kinh doanh các chủng loại máy, loại hình trò chơi trên máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 8. Thể lệ trò chơi

1. Tất cả các trò chơi điện tử có thưởng khi đưa vào kinh doanh, doanh nghiệp phải xây dựng Thể lệ trò chơi phù hợp với cách thức chơi, tỷ lệ trả thưởng, thiết kế riêng của từng loại máy và gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương để theo dõi. Thể lệ trò chơi phải phù hợp với quy định pháp luật và thể hiện đầy đủ các nội dung cơ bản như sau:

a) Mô tả và giải thích từ ngữ của trò chơi điện tử có thưởng;

b) Hình ảnh và chỉ dẫn cách sử dụng các chức năng của máy;

c) Cách thức chơi;

d) Tỷ lệ trả thưởng;

đ) Cách xác định trúng thưởng;

e) Xử lý các vấn đề bất thường;

g) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

2. Doanh nghiệp phải niêm yết và phát hành tờ rơi công khai Thể lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh.

3. Khi thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thể lệ trò chơi, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi nội dung của Thể lệ trò chơi, doanh nghiệp phải gửi lại bằng văn bản Thể lệ trò chơi đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương và văn bản nêu rõ điều khoản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và lý do sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Đồng thời doanh nghiệp phải niêm yết công khai Thể lệ trò chơi đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại Điểm kinh doanh.

4. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước phát hiện Thể lệ trò chơi có những nội dung không rõ ràng, không hợp lệ hoặc không phù hợp với quy định pháp luật, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Bộ Tài chính có công văn yêu cầu, hướng dẫn về sửa đổi Thể lệ trò chơi, doanh nghiệp phải thực hiện sửa đổi Thể lệ trò chơi cho phù hợp với quy định pháp luật và gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương để theo dõi.

Điều 9. Đối tượng được phép chơi tại các Điểm kinh doanh

1. Người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, giấy thông hành còn giá trị và nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam.

2. Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và tự nguyện chấp hành Thể lệ trò chơi và các quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của người chơi

1. Người chơi có các quyền sau:

a) Được doanh nghiệp xác nhận và trả thưởng đầy đủ khi trúng thưởng;

b) Được nhận tiền trả thưởng và chuyển hoặc mang tiền trả thưởng bằng ngoại tệ ra nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối của pháp luật Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Được yêu cầu doanh nghiệp giữ bí mật về thông tin trúng thưởng và nhận thưởng;

d) Được quyền khiếu nại, khiếu kiện đối với doanh nghiệp về kết quả trả thưởng; tố cáo các hành vi gian lận, vi phạm quy định của Nghị định này và quy định pháp luật;

đ) Được hưởng các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định trong Thể lệ trò chơi do doanh nghiệp công bố.

2. Người chơi có các nghĩa vụ sau:

a) Phải mang theo các giấy tờ để chứng minh thuộc đối tượng được phép chơi quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Có trách nhiệm tuân thủ Thể lệ trò chơi, nội quy, quy định quản lý nội bộ có liên quan của doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Không được sử dụng kết quả của các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh để cá cược trực tiếp với nhau;

d) Không được gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại Điểm kinh doanh;

đ) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh

1. Các đối tượng được phép chơi quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

2. Các nhân viên, người lao động của doanh nghiệp được phép ra, vào Điểm kinh doanh để làm việc theo sự phân công của doanh nghiệp. Doanh

nghiệp phải lập và công bố danh sách cập nhật các nhân viên, người lao động được phép ra, vào để làm việc tại Điểm kinh doanh.

3. Cán bộ, công chức của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thực thi việc kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp theo quy định của luật pháp.

4. Các cá nhân nêu tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này chỉ được vào Điểm kinh doanh để thực thi các nhiệm vụ liên quan theo phân công, nghiêm cấm vào Điểm kinh doanh để tham gia các trò chơi điện tử có thưởng.

5. Doanh nghiệp phải mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát, tất cả các đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh. Sổ theo dõi, thông tin điện tử phải được lưu trữ theo quy định và đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 12. Quản lý đồng tiền quy ước

1. Các đồng tiền quy ước của từng doanh nghiệp phải có dấu, ký hiệu riêng để nhận dạng và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước ban hành. Mệnh giá của đồng tiền quy ước được phép ghi bằng đồng Việt Nam hoặc bằng một loại ngoại tệ chuyển đổi. Việc quy đổi mệnh giá đồng tiền quy ước bằng ngoại tệ được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Doanh nghiệp không được phép sử dụng đồng tiền quy ước của các doanh nghiệp khác để kinh doanh.

2. Doanh nghiệp phải thực hiện quản lý chặt chẽ đồng tiền quy ước theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính để làm cơ sở cho việc xác định doanh thu của doanh nghiệp và phải đăng ký về mẫu mã, số lượng, chủng loại với Sở Tài chính và cơ quan thuế trực tiếp quản lý tại địa phương để theo dõi, quản lý.

3. Trường hợp có thay đổi về mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi về mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước, doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký lại với Sở Tài chính và cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

Điều 13. Quản lý thiết bị trò chơi

1. Các máy trò chơi điện tử có thưởng sử dụng trong Điểm kinh doanh phải phù hợp với số lượng, chủng loại và các loại hình trò chơi điện tử có thưởng mà doanh nghiệp được phép kinh doanh và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này.

2.[8] Quy định về thiết bị trò chơi

a) Các máy trò chơi điện tử có thưởng được sử dụng trong Điểm kinh doanh phải là máy mới 100%, có thông số kỹ thuật do nhà sản xuất máy trò

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

chơi điện tử có thưởng công bố và đã được tổ chức kiểm định độc lập hoạt động tại các nước G7 cấp chứng nhận kiểm định;

b) Tỷ lệ trả thưởng cố định tối thiểu đối với các máy giật xèng là 90% (đã bao gồm giải thưởng tích lũy) và được cài đặt sẵn trong máy. Trường hợp doanh nghiệp thay đổi tỷ lệ trả thưởng phải đảm bảo tỷ lệ trả thưởng không thấp hơn tỷ lệ trả thưởng tối thiểu theo quy định, doanh nghiệp phải làm thủ tục kiểm định lại trước khi đưa máy vào sử dụng và phải quy định cụ thể tỷ lệ trả thưởng trong Thể lệ trò chơi.

3. Doanh nghiệp phải mở Sổ quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi điện tử có thưởng;

b) Tên nhà sản xuất;

c) Xuất xứ, ký mã hiệu (số series) của máy;

d) Năm sản xuất;

đ) Năm hết hạn sử dụng (nếu có);

e) Phần mềm cài đặt trong máy trò chơi điện tử có thưởng;

g) Ngày mua;

h) Ngày tái xuất hoặc tiêu hủy;

i) Giá trị máy;

k) Số giấy chứng nhận kiểm định và tên tổ chức kiểm định.

Điều 14. Mua, tái xuất và tiêu hủy đồng tiền quy ước, thiết bị trò chơi

1.[9] Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại Điều 51 Nghị định này được phép mua các đồng tiền quy ước, máy trò chơi điện tử có thưởng. Việc mua, nhập khẩu các đồng tiền quy ước, máy trò chơi điện tử có thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu, quy định của pháp luật có liên quan, quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Doanh nghiệp chỉ được mua không vượt quá số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng được cấp phép và đúng điều kiện kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể đối tượng, trường hợp được mua, việc quản lý và sử dụng các thiết bị của máy trò chơi điện tử có thưởng dự phòng để thay thế khi cần thiết, số lượng thiết bị dự phòng không được vượt quá 10% trên tổng số thiết bị của các máy trò chơi điện tử có thưởng được phép kinh doanh.

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, doanh nghiệp phải thực hiện việc tái xuất hoặc tiêu hủy đồng tiền quy ước, máy trò chơi điện tử có thưởng trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động kinh doanh, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

b) Máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước hết hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất hoặc bị hỏng, hư hại không thể sửa chữa hoặc khôi phục hoạt động bình thường;

c) Máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước không còn được sử dụng vào hoạt động kinh doanh do không phù hợp với nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới hoặc thay thế cho phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh.

5. Việc tiêu hủy các máy trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước phải có sự chứng kiến, xác nhận bằng văn bản của đại diện Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Việc tái xuất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

6.[10] Trong quá trình sử dụng nếu các máy trò chơi điện tử có thưởng bị hư hỏng hoặc cần bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp được quyền tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa nhưng không được phép can thiệp vào tỷ lệ trả thưởng. Nếu việc bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thưởng liên quan đến các bộ phận làm thay đổi tỷ lệ trả thưởng thì doanh nghiệp phải thuê tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này để kiểm định lại trước khi đưa máy vào sử dụng.

Điều 15. Quy chế quản lý nội bộ và kiểm soát nội bộ

1. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ trong Điểm kinh doanh. Quy chế quản lý nội bộ phải có nội dung cơ bản sau đây:

a) Quy định về quản lý Điểm kinh doanh, bao gồm: Thời gian mở, đóng cửa; kiểm soát đối tượng ra, vào; biện pháp giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Quy định về quản lý nhân viên làm việc tại Điểm kinh doanh, bao gồm: Đối tượng làm việc, quản lý tại Điểm kinh doanh; trách nhiệm, nghĩa vụ của từng bộ phận, vị trí công tác;

c) Quy định về quy chế tài chính, quy trình quản lý đồng tiền quy ước;

d) Quy định về quy trình quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa máy trò chơi điện tử có thưởng, thiết bị trò chơi khác;

---

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

đ) Quy định về phương thức giải quyết mối quan hệ giữa người chơi với người chơi, giữa người chơi với doanh nghiệp và giữa người chơi với nhân viên của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ phương thức xử lý trong trường hợp phát sinh tranh chấp trên cơ sở của các quy định pháp luật liên quan;

e) Các quy định khác phù hợp với pháp luật của Việt Nam để phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp phải thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ; quy định cụ thể bằng văn bản chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận kiểm soát nội bộ và chỉ được tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi đã hoàn thành các nội dung này để đảm bảo kiểm soát việc tuân thủ đúng Quy chế quản lý nội bộ, quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật tại doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp chỉ được tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi đã gửi cho cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thuế địa phương nơi doanh nghiệp đặt địa điểm kinh doanh và Bộ Tài chính bản Quy chế quản lý nội bộ. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản Quy chế quản lý nội bộ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản Quy chế quản lý nội bộ, doanh nghiệp phải gửi bản cập nhật cho các cơ quan nêu trên.

Điều 16. Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

1. Doanh nghiệp phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền và các văn bản hướng dẫn.

2. Doanh nghiệp chỉ được tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi đã gửi cho cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Thuế địa phương nơi doanh nghiệp đặt địa điểm kinh doanh, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bản quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, doanh nghiệp phải gửi bản cập nhật cho các cơ quan nêu trên.

Điều 17. Quản lý về việc thanh toán và ngoại hối

1. Doanh nghiệp được chấp nhận sử dụng tiền Đồng Việt Nam, ngoại tệ tiền mặt, thẻ tín dụng của người chơi để đổi đồng tiền quy ước khi tham gia các trò chơi điện tử có thưởng. Việc thu, chi ngoại tệ của doanh nghiệp được thực hiện sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

2. Doanh nghiệp được thu ngoại tệ tiền mặt từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và sử dụng số ngoại tệ tiền mặt này để trả thưởng cho người chơi khi trúng thưởng và các hoạt động ngoại hối khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có quyền:

a)[11] *Tổ chức kinh doanh các chủng loại, loại hình trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này.*

b) Từ chối bất kỳ cá nhân không thuộc đối tượng được phép ra, vào, chơi tại Điểm kinh doanh;

c) Yêu cầu rời khỏi Điểm kinh doanh bất kỳ đối tượng nào vi phạm Thể lệ trò chơi, nội quy, Quy chế quản lý nội bộ mà doanh nghiệp đã công bố;

d) Yêu cầu tất cả người chơi xuất trình giấy tờ tùy thân để chứng minh thuộc đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh;

đ) Ký hợp đồng thuê quản lý. Việc thuê quản lý và trả phí thuê quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật và không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo đúng danh sách đã đăng ký trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, trong trường hợp có thay đổi, doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí người quản lý, điều hành đáp ứng đầy đủ về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục Thuế địa phương nơi doanh nghiệp tổ chức kinh doanh để theo dõi;

c) Tổ chức các loại hình trò chơi theo đúng Thể lệ trò chơi đã công bố với người chơi;

d) Thanh toán đầy đủ, kịp thời các giải thưởng cho người chơi. Thực hiện xác nhận tiền trúng thưởng đúng số thực tế nếu người chơi yêu cầu;

đ) Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại của người chơi theo đúng Thể lệ trò chơi và quy định của pháp luật;

e) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh;

---

[11] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

g) Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội theo quy định của pháp luật;

i) Giữ bí mật về thông tin trúng thưởng theo yêu cầu của người chơi, ngoại trừ việc cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

k) Chịu trách nhiệm trực tiếp trước pháp luật Việt Nam về mọi hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Chương III

ĐIỀU KIỆN VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG

Điều 19. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1.[12] Doanh nghiệp chỉ được xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi đã đăng ký kinh doanh ngành, nghề kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp và đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng phải xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

3. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, bao gồm:

a) Doanh nghiệp có cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng từ 5 sao hoặc hạng cao cấp trở lên do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xếp hạng theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn;

b) Có khu vực để bố trí Điểm kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định này;

c)[13] Có người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh có trình độ đào tạo tối thiểu từ đại học trở lên; có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong việc quản lý hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

d)[14] (được bãi bỏ)

---

[12] Khoản này (đã được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017) được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

[13] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

đ)[15] *Có vốn điều lệ tối thiểu là 200 tỷ đồng;*

e)[16] *Có phương án kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đảm bảo duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.*

4. Mỗi cơ sở lưu trú du lịch chỉ được xem xét, cấp một (01) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chỉ cấp cho doanh nghiệp đứng tên sở hữu cơ sở lưu trú du lịch đó.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh gồm các tài liệu cơ bản sau:

1. Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

2.[17] *Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, trong đó có đăng ký kinh doanh ngành, nghề trò chơi điện tử có thưởng.*

3.[18] *Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Quyết định xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp.*

4. Hồ sơ chứng minh số lượng buồng lưu trú tại cơ sở lưu trú du lịch đã đưa vào kinh doanh.

5. Sơ đồ bố trí Điểm kinh doanh.

6.[19] ***(được bãi bỏ)***

7. Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở lưu trú du lịch do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp.

---

[14] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

[15] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

[16] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

[17] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

[18] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

[19] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

8. Dự thảo Quy chế quản lý nội bộ, tổ chức Bộ phận kiểm soát nội bộ, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền và Thể lệ trò chơi.

9.[20] Phương án kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục tiêu, số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi điện tử có thưởng, dự kiến nhu cầu thu, chi ngoại tệ, giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với Điểm kinh doanh và kế hoạch triển khai thực hiện.

10.[21] Danh sách, lý lịch, bản sao các văn bằng có chứng thực của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người quản lý điều hành.

Điều 21. Quy trình thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi sáu (06) bộ hồ sơ chính thức để thẩm định.

2. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do từ chối.

3. Trình tự thủ tục thẩm định hồ sơ:

a) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan có liên quan gồm: Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi doanh nghiệp xin phép tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về những nội dung được lấy ý kiến;

c) Sau khi nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến và xem xét, quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

---

[20] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

d)[22] *Sau khi được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp có trách nhiệm làm thủ tục điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.*

4. Nội dung thẩm định

Căn cứ theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ theo các nội dung phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 19 của Nghị định này.

Điều 22. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên doanh nghiệp;

b) Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp;

d) Số lượng, chủng loại trò chơi điện tử có thưởng;

đ) Địa điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch;

e) Thời hạn hiệu lực;

g) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định cụ thể thời hạn hiệu lực được phép kinh doanh (sau đây gọi tắt là thời hạn) trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn của Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tối đa không quá mười (10) năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có hiệu lực thi hành, ngoại trừ các trường hợp quy định tại Điều 51 của Nghị định này.

Điều 23. Cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp bị mất, thất lạc, bị hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, doanh nghiệp phải làm đơn xin cấp lại và nêu rõ lý do xin cấp lại.

---

[22] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị của doanh nghiệp, Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp, trong đó ghi rõ lần cấp lại. Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cấp lại là số đã được cấp trước đây.

2. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

Trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh bất kỳ nội dung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được quy định tại Khoản 1 Điều 22 của Nghị định này, doanh nghiệp phải làm đơn xin điều chỉnh và gửi đầy đủ hồ sơ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh điều chỉnh cho doanh nghiệp, trong đó ghi rõ lần điều chỉnh.

3. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

a) Các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hết thời hạn theo quy định tại Nghị định này, nếu có nhu cầu tiếp tục kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thì tối thiểu sáu (06) tháng trước khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hết thời hạn phải tiến hành xin gia hạn. Thời gian gia hạn trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp nhưng không được vượt quá thời hạn của Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tối đa không quá mười (10) năm kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được gia hạn.

b) Điều kiện được gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, bao gồm:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh còn hiệu lực tối thiểu là sáu (06) tháng trước khi làm đơn xin gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh quy định tại Điểm a, b, c và d Khoản 3 Điều 19 của Nghị định này;

- Đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo kết luận của cơ quan kiểm tra đối với các đợt kiểm tra định kỳ theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 của Nghị định này.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, quy trình thủ tục, nội dung xem xét cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Điều 24. Phí cấp phép[23]

---

[23] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

Phí cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí do Bộ Tài chính hướng dẫn.

Điều 25. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Sau mười hai (12) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh mà không triển khai hoạt động kinh doanh;

b) Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Không đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh theo kết luận của cơ quan kiểm tra theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 33 của Nghị định này;

đ) Vi phạm tất cả các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo kết luận của cơ quan kiểm tra theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 33 của Nghị định này.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tự động bị hết hiệu lực và bị thu hồi đối với các trường hợp quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều này.

3. Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các trường hợp quy định tại Điểm a, d và đ Khoản 1 Điều này. Quyết định này sẽ được thông báo cho doanh nghiệp trước mười (10) ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thu hồi.

4. Doanh nghiệp phải chấm dứt ngay các hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng tại thời điểm bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

5. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp được Bộ Tài chính công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Chương IV

THÔNG TIN, QUẢNG CÁO, KHUYẾN MẠI

Điều 26. Cung cấp thông tin

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm niêm yết đầy đủ nội quy ra, vào cửa và công bố công khai đầy đủ Thể lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh.

2. Doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã công bố và cung cấp.

Điều 27. Quảng cáo[24]

1. Chỉ những doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại Điều 51 Nghị định này mới được quảng cáo hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

2. Nội dung quảng cáo bao gồm:

a) Tên, địa chỉ doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Tên trò chơi điện tử có thưởng;

c) Vị trí Điểm kinh doanh;

d) Đối tượng được phép chơi theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Vị trí, hình thức quảng cáo

Doanh nghiệp chỉ được quảng cáo dưới hình thức bảng, biển hiệu đặt bên trong cơ sở lưu trú du lịch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng nhưng phải đảm bảo người bên ngoài không nghe được, không nhìn thấy được nội dung quảng cáo.

4. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, doanh nghiệp không được quảng cáo hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dưới mọi hình thức và tuân thủ các quy định khác của pháp luật về quảng cáo.

Điều 28. Giảm giá, khuyến mại

1. Doanh nghiệp được quyền thực hiện chính sách giảm giá đối với người chơi, mức giảm giá tối đa 2% trên tổng giá trị đồng tiền quy ước đã mua. Khi xác định giá tính thuế được tính theo nguyên tắc thực thu, đã trừ khoản giảm giá.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể đối tượng được giảm giá, định mức giảm giá và phương thức xác định giá tính thuế được giảm trừ đối với từng sắc thuế quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Ngoài khoản giảm giá quy định tại Khoản 1 Điều này, trường hợp doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ lưu trú, ăn uống, đi lại để khuyến mại cho người chơi thì các khoản khuyến mại này chỉ được hạch toán vào chi phí theo tỷ lệ quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tổng chi phí để làm căn cứ xác định mức chi phí khuyến mại tối đa là tổng chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp, không bao gồm chi phí khuyến mại và chi phí trả thưởng. Ngoài ra, doanh nghiệp không được khuyến mại cho người chơi dưới mọi hình thức khác.

---

[24] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

4. Doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động khuyến mại ngoài việc thực hiện các quy định của Nghị định này còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về khuyến mại có liên quan.

Chương V

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 29. Chế độ tài chính, thuế

1. Năm tài chính của doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu áp dụng năm tài chính theo công ty mẹ, năm tài chính phải là mười hai tháng tròn theo năm dương lịch, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau và thông báo cho cơ quan tài chính biết. Năm tài chính đầu tiên của doanh nghiệp mới được thành lập tính từ ngày được cấp phép đến ngày cuối cùng của năm tài chính đăng ký.

2. Doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi đối với nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc mua các máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng và các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp từ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng. Các khoản ưu đãi về thuế, phí, lệ phí đối với các hoạt động đầu tư, kinh doanh khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về thuế và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, phương thức thu thuế phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Điều 30. Chế độ kế toán và báo cáo

1. Chế độ kế toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán riêng các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng. Trường hợp các khoản doanh thu, chi phí gắn với các hoạt động kinh doanh khác, doanh nghiệp thực hiện việc phân bổ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Chế độ báo cáo nghiệp vụ của các doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 31. Kiểm toán, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải được kiểm toán hàng năm.

2. Sau khi kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, KIỂM TRA, THANH TRA

Điều 32. Quản lý nhà nước về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện các công việc như sau:

1. Bộ Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, bao gồm:

a) Ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo đúng quy định tại Nghị định này;

c) Ban hành quy định Danh mục chi tiết các chủng loại, loại hình trò chơi điện tử có thưởng;

d)[25] (được bãi bỏ)

đ) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của Nghị định này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

b) Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

3. Bộ Công an

a) Chịu trách nhiệm quản lý về an ninh, trật tự đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan để đấu tranh phòng, chống tội phạm có liên quan đến rửa tiền trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

---

[25] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác đấu tranh phòng, chống hoạt động đánh bạc trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

đ) Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn quản lý về mặt nội dung, hình ảnh các máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định hiện hành để đảm bảo các máy trò chơi điện tử có thưởng sử dụng trong Điểm kinh doanh phù hợp với thuần phong, mỹ tục, thẩm mỹ của người Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

c) Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, doanh nghiệp viễn thông chủ động ngăn chặn và không được cung cấp trò chơi điện tử có thưởng qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet;

b) Phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan ngăn chặn việc cung cấp dịch vụ đánh bạc qua mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet từ nước ngoài vào Việt Nam.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận để doanh nghiệp được thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác liên quan đến hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

b) Thực hiện quản lý hoạt động thu, sử dụng ngoại tệ của doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong việc quản lý, giám sát đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

7. Bộ Công Thương

Thực hiện quản lý hoạt động khuyến mại của các doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

b) Chịu trách nhiệm quản lý, giám sát, kiểm tra để đảm bảo việc hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên địa bàn tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của Nghị định này và theo quy định pháp luật;

c)[26] (được bãi bỏ)

d) Chỉ đạo các cơ quan có liên quan thuộc địa bàn quản lý triển khai công tác quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên địa bàn đảm bảo được thực hiện thường xuyên, liên lục.

Điều 33. Kiểm tra, thanh tra

1. Công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện theo phương thức định kỳ hoặc đột xuất. Việc kiểm tra, thanh tra đột xuất chỉ được thực hiện khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra định kỳ hàng năm đối với việc tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định về điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng của doanh nghiệp. Kiểm tra định kỳ không quá một (01) lần trong năm đối với một doanh nghiệp.

3.[27] Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động kinh doanh kiểm tra định kỳ 03 năm một lần để xem xét khả năng tiếp tục duy trì hoặc thu hồi Giấy

---

[26] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

[27] Đoạn đầu và điểm a khoản 3 được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 19 của Nghị định này.

Riêng đối với các doanh nghiệp quy định tại Điều 51 của Nghị định này, kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ các điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra việc tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Về quản lý máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước;

- Về quản lý đối tượng được phép chơi, đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh;

- Việc chấp hành Quy chế quản lý nội bộ, kiểm soát nội bộ, quy chế tài chính và Thể lệ trò chơi;

- Việc quản lý ngoại hối và chấp hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;

- Việc chấp hành quy định pháp luật về tài chính, kế toán, nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

4.[28] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan Công an từ cấp huyện trở lên quyết định kiểm tra đột xuất khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm quy định về đối tượng được phép chơi, về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, khi có tố giác tội phạm liên quan đến doanh nghiệp.

5. Việc kiểm tra, thanh tra về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này được quyền:

1. Tiếp cận tất cả các căn phòng trong Điểm kinh doanh.

2. Yêu cầu doanh nghiệp, các cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, số liệu, thông tin để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra.

---

[28] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

3. Yêu cầu doanh nghiệp tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong Điểm kinh doanh trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền có đủ cơ sở cho rằng doanh nghiệp đang vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật và thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh biết để cùng xem xét, phối hợp kiểm tra, thanh tra xử lý theo quy định.

Chương VII

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 35. Quy định chung về xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Các hành vi vi phạm hành chính về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng chưa cấu thành tội phạm và theo quy định tại Chương này thì bị xử phạt vi phạm hành chính.

3. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có các hành vi vi phạm hành chính trong những lĩnh vực khác theo quy định tại các văn bản pháp luật khác sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng bao gồm:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền: Mức phạt tiền tối đa đối với vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Trục xuất.

2. Hình thức xử phạt quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này chỉ được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt chính. Hình thức xử phạt quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản 1 Điều này được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt bổ sung.

3. Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính; có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 1 Điều này. Hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

4. Đối với mỗi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng, đồng tiền quy ước;

c) Buộc cải chính thông tin, số liệu đã báo cáo sai sự thật, không đầy đủ hoặc gây nhầm lẫn;

d) Buộc nộp lại số tiền vi phạm hành chính hoặc phải thu hồi các khoản tiền đã chi, đã thu trái quy định của pháp luật;

đ) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác theo quy định cụ thể từ Điều 37 đến Điều 48 của Nghị định này.

Điều 37. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân có hành vi tự ý sửa chữa, tẩy xóa các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Mức phạt gấp hai (02) lần được áp dụng đối với tổ chức, đơn vị vi phạm các hành vi quy định tại khoản này.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân có hành vi gian lận hoặc giả mạo các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Mức phạt gấp hai (02) lần được áp dụng đối với tổ chức, đơn vị vi phạm các hành vi quy định tại khoản này.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tài liệu đã bị sửa chữa, tẩy xóa, gian dối hoặc giả mạo trong trường hợp hành vi vi phạm bị phát hiện trong quá trình xem xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc bổ sung tài liệu trong hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật trong trường hợp hành vi vi phạm bị phát hiện trong quá trình xem xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Điều 38. Hành vi vi phạm quy định về quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

3.[29] Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân có hành vi kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Mức phạt gấp 02 lần được áp dụng đối với tổ chức, đơn vị vi phạm hành vi quy định tại khoản này, trừ các doanh nghiệp quy định tại Điều 51 Nghị định này.

4. Hình thức phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ ba (03) tháng đến sáu (06) tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hai mươi bốn (24) tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại toàn bộ khoản thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Điều 39. Hành vi vi phạm quy định về Điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi bố trí Điểm kinh doanh không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2.[30] Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng không đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ một (01) tháng đến hai (02) tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều này;

---

[29] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

[30] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ ba (03) tháng đến sáu (06) tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 Điều này.

4.[31] Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục việc bố trí Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Hành vi vi phạm quy định về số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi tổ chức kinh doanh không đúng chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi tổ chức kinh doanh vượt số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng theo quy định.

3. Hình thức phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ ba (03) tháng đến sáu (06) tháng đối với hành vi vi phạm lần đầu;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hai mươi bốn (24) tháng đối với hành vi tái phạm.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải tiêu hủy hoặc tái xuất các máy trò chơi điện tử có thưởng vượt quá số lượng, không đúng chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

b) Buộc nộp lại toàn bộ các khoản thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Điều 41. Hành vi vi phạm quy định về xây dựng, gửi và công bố Thể lệ trò chơi

1. Áp dụng hình thức phạt cảnh cáo đối với hành vi không công bố Thể lệ trò chơi.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi không thực hiện việc gửi Thể lệ trò chơi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi không xây dựng Thể lệ trò chơi.

---

[31] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

4. Hình thức phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ một (01) tháng đến hai (02) tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải thực hiện việc xây dựng, gửi và công bố Thể lệ trò chơi theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 42. Hành vi vi phạm quy định về theo dõi, quản lý đối tượng được phép chơi và ra, vào Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi không mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ để kiểm soát các đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng với doanh nghiệp có hành vi cho phép đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh không đúng quy định của pháp luật.

3. Hình thức phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ một (01) tháng đến hai (02) tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ sáu (06) tháng đến mười hai (12) tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 Điều này nếu vi phạm lần đầu;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hai mươi bốn (24) tháng nếu tái phạm đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về việc theo dõi, quản lý đối tượng được phép chơi và ra, vào Điểm kinh doanh.

Điều 43. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của người chơi

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân có hành vi không tuân thủ đầy đủ Thể lệ trò chơi, nội quy của Điểm kinh doanh do doanh nghiệp đã công bố.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân có hành vi gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại Điểm kinh doanh.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân có hành vi gian lận trong quá trình tham gia các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh. Mức phạt gấp hai (02) lần được áp dụng đối với tổ chức, đơn vị vi phạm các hành vi quy định tại Khoản này.

4. Hình thức phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ba (03) tháng đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ của người chơi.

Điều 44. Hành vi vi phạm quy định về quản lý đồng tiền quy ước

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi sử dụng đồng tiền quy ước không đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi không đăng ký đồng tiền quy ước với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi sử dụng đồng tiền quy ước của doanh nghiệp khác hoặc không đúng với đồng tiền quy ước đã đăng ký với các cơ quan quản lý nhà nước.

4. Hình thức phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ các đồng tiền quy ước đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ một (01) tháng đến hai (02) tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về việc quản lý đồng tiền quy ước.

Điều 45. Hành vi vi phạm quy định về quản lý máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi không mở sổ quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi mua thiết bị dự phòng, quản lý thiết bị dự phòng không đúng quy định pháp luật.

3.[32] Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi kinh doanh máy trò chơi điện tử có thưởng không đáp ứng đủ các quy định tại Điều 13 Nghị định này.

4. Hình thức phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ một (01) tháng đến hai (02) tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ ba (03) tháng đến sáu (06) tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về việc mở sổ quản lý đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 46. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát nội bộ, người quản lý, điều hành

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi không xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ trong Điểm kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi không thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi bố trí người quản lý, điều hành không đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về kiểm soát nội bộ, người quản lý, điều hành.

Điều 47. Hành vi vi phạm quy định về trả thưởng và xác nhận tiền trúng thưởng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi cố tình kéo dài thời gian trả thưởng cho người chơi mà không có lý do chính đáng.

---

[32] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện việc trả thưởng cho người chơi theo đúng yêu cầu của người chơi và quy định của Thể lệ trò chơi;

b) Buộc thu hồi giấy xác nhận tiền trúng thưởng sai quy định.

Điều 48. Hành vi vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại và chế độ quản lý tài chính

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm về chế độ quản lý tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm các quy định về giảm giá, khuyến mại tại Nghị định này.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ một (01) tháng đến hai (02) tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi toàn bộ các khoản chi khuyến mại không đúng quy định của pháp luật;

b) Buộc thực hiện đúng quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm chế độ quản lý tài chính.

Điều 49. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Thanh tra viên Tài chính các cấp đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 4 Điều 36 của Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Tài chính và các chức danh tương đương được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 4 Điều 36 của Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 4 Điều 36 của Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có thời hạn theo quy định tại Nghị định này;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 4 Điều 36 của Nghị định này.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định tại Nghị định này.

6. Ngoài những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý của mình thì có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 50. Thủ tục xử phạt và các vấn đề khác

1. Nguyên tắc xử phạt, thời hiệu xử phạt, thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Quy định chuyển tiếp[33]

Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó có hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc có văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép. Trường hợp có nhu cầu, doanh nghiệp làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định sau:

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm:

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo việc xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực, trong đó quy định kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

- Hồ sơ chứng minh số lượng, chủng loại và loại hình máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế doanh nghiệp đang kinh doanh theo quy định của pháp luật trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

- Các hồ sơ quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 7, 8, 9 và 10 Điều 20 Nghị định này. Riêng đối với các doanh nghiệp không có cơ sở lưu trú du lịch không phải nộp hồ sơ quy định tại khoản 3, 4 Điều 20 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp, trong đó:

a) Số lượng, chủng loại và loại hình máy trò chơi điện tử có thưởng doanh nghiệp được phép kinh doanh xác định theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo số lượng, chủng loại và loại hình máy trò chơi điện tử có thưởng thực tế doanh nghiệp đang kinh doanh theo quy định của pháp luật trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp có sự khác biệt về số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng thì doanh nghiệp được phép kinh doanh theo số lượng cao nhất.

---

[33] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

Riêng đối với doanh nghiệp chưa tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thì số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng doanh nghiệp được phép kinh doanh xác định theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định cụ thể về số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng thì doanh nghiệp được phép kinh doanh theo số lượng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

b) Thời hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tối đa bằng thời hạn hoạt động còn lại được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản cho phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không quy định cụ thể thời hạn kinh doanh thì thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

Điều 52. Điều khoản thi hành[34]

---

[34] Điều 2 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

2. Đối với các doanh nghiệp đã nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và được Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.".

Điều 15 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018 quy định như sau:

"***Điều 15. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, thẩm định giá, xổ số, trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino, đặt cược, dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện; Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh chứng khoán; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán của tổ chức kinh doanh

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2013.

2. Bãi bỏ Quyết định số 32/2003/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và các quy định trước đây trái với quy định tại Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 09/VBHN-BTC

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC (5b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Huỳnh Quang Hải

---

chứng khoán nước ngoài; chấp thuận công ty chứng khoán được thực hiện giao dịch ký quỹ, giao dịch trong ngày; chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa được cơ quan quản lý nhà nước cấp giấy hoặc chấp thuận thì được áp dụng các điều kiện đầu tư, kinh doanh quy định tại Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./."